

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 -
VINACONEX 15**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 26/3/2013)
Bà Trần Thị Kim Oanh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 26/3/2013)
Ông Nguyễn Xuân Thao	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/3/2013)
Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/3/2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 29/3/2013)
Ông Nguyễn Xuân Thao	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/3/2013)
	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 29/3/2013)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Thanh Bình	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hữu	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 23/01/2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2013

Số: 327 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 8 năm 2013, từ trang 5 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ vấn đề hạn chế trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã quá hạn thanh toán trên một năm khoảng 86 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu khách hàng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Công ty có khả năng thanh toán thấp và đang khó khăn trong quản lý dòng tiền, thu hồi các khoản phải thu và tìm kiếm các hợp đồng mới, điều này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0897-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		281.518.043.410	320.145.241.313
I. Tiền	110	5	191.953.933	505.632.296
1. Tiền	111		191.953.933	505.632.296
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.859.536.036	168.192.349.951
1. Phải thu khách hàng	131	6	116.447.815.629	149.985.801.749
2. Trả trước cho người bán	132		1.424.385.725	1.049.416.188
3. Các khoản phải thu khác	135		30.126.770.210	30.069.654.977
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.139.435.528)	(12.912.522.963)
III. Hàng tồn kho	140	7	92.645.173.604	89.063.613.543
1. Hàng tồn kho	141		92.645.173.604	89.063.613.543
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.821.379.837	62.383.645.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.108.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.056.045.084	1.133.669.117
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	67.698.226.753	61.249.976.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		19.924.994.598	21.364.151.571
I. Tài sản cố định	220		14.521.539.129	15.975.813.096
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.521.539.129	15.975.813.096
- Nguyên giá	222		40.716.516.162	43.077.427.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.194.977.033)	(27.101.613.904)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.250.000.000	5.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	4.250.000.000	4.250.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		153.455.469	138.338.475
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	153.455.469	138.338.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		301.443.038.008	341.509.392.884

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

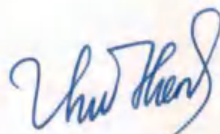
MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		214.560.532.987	228.319.267.441
I. Nợ ngắn hạn	310		212.277.532.987	225.472.267.441
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	101.031.822.675	114.188.063.543
2. Phải trả người bán	312		14.922.851.261	17.435.154.422
3. Người mua trả tiền trước	313		7.473.447.417	5.993.513.028
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	46.621.266.008	47.001.440.706
5. Phải trả người lao động	315		9.337.623.310	9.308.376.500
6. Chi phí phải trả	316	15	15.373.259.108	8.812.181.264
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	17.099.313.275	22.301.768.045
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417.949.933	431.769.933
II. Nợ dài hạn	330		2.283.000.000	2.847.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	2.283.000.000	2.847.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		86.882.505.021	113.190.125.443
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	86.882.505.021	113.190.125.443
1. Vốn cổ phần	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.088.870.000	5.088.870.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.795.123.070	12.795.123.070
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.852.658.323	2.852.658.323
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		208.200.185	208.200.185
6. Lỗ lũy kế	420		(34.062.346.557)	(7.754.726.135)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		301.443.038.008	341.509.392.884



Nguyễn Thị Hà
 Người lập biểu

Ngày 20 tháng 8 năm 2013



Phí Thu Hiền
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

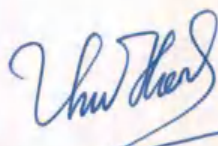
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.900.758.686	42.179.250.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.900.758.686	42.179.250.774
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	8.842.882.132	37.419.177.019
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(6.942.123.446)	4.760.073.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.995.240.567	8.815.339.470
7. Chi phí tài chính	22		7.711.796.543	8.835.880.641
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.711.796.543	8.835.880.641
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.701.941.000	4.128.851.914
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		(26.360.620.422)	610.680.670
10. Thu nhập khác	31		53.000.000	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		53.000.000	-
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(26.307.620.422)	610.680.670
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	24	-	131.920.168
15. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(26.307.620.422)	478.760.502
16. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(2.631)	48



Nguyễn Thị Hà
Người lập biểu



Phí Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường
Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

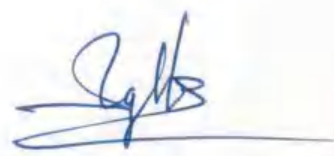
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

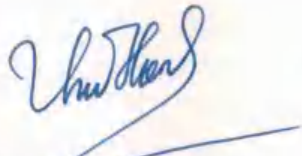
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

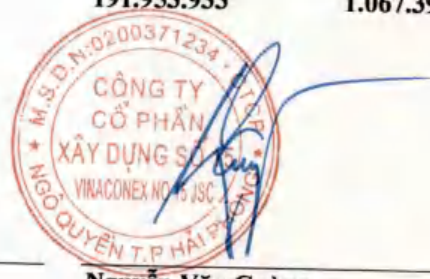
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(26.307.620.422)	610.680.670
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.334.826.300	1.694.314.551
Các khoản dự phòng	03	15.226.912.565	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.928.792.900)	(8.815.339.470)
Chi phí lãi vay	06	7.711.796.543	8.835.880.641
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.962.877.914)	2.325.536.392
Thay đổi các khoản phải thu	09	26.615.827.369	26.571.486.877
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.581.560.061)	(13.783.659.183)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	171.620.879	(14.609.563.167)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(82.224.994)	(10.529.197.973)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.869.501.639)	(8.354.971.578)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.854.273.120	3.028.535.180
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.820.000)	(139.185.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.131.736.760	(15.491.018.786)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	189.150.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.675.745	37.662.078
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	274.825.745	37.662.078
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.578.434.643	64.264.458.882
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.298.675.511)	(47.923.002.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.720.240.868)	16.341.455.885
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(313.678.363)	888.099.177
Tiền đầu kỳ	60	505.632.296	179.295.482
Tiền cuối kỳ	70	191.953.933	1.067.394.659



Nguyễn Thị Hà
 Người lập biểu



Phí Thu Hiền
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường
 Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1554/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 15 - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 15. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202001081 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 53, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 151 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 205 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt điện nước và trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ xây dựng: cốp pha, giàn giáo;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị;
- Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ xây dựng: thiết bị tự động hóa, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà ở và các tổ hợp nhà cao tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đang trong tình trạng thiếu hụt vốn lưu động, gặp khó khăn về quản lý dòng tiền và ký kết các hợp đồng xây lắp. Tại ngày 30/6/2013, lỗ lũy kế của Công ty là 34.062.346.557 VND. Các vấn đề này gây nên sự quan ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc ký kết được các hợp đồng xây lắp mới, tăng cường thu hồi các khoản công nợ và quản lý dòng tiền. Ban Giám đốc Công ty đã có những kế hoạch để tăng cường việc thu hồi các khoản công nợ, đàm phán và ký kết các hợp đồng xây lắp mới và quản lý dòng tiền trong kỳ hoạt động tiếp theo. Ban Giám đốc tin tưởng rằng với những kế hoạch này khả năng hoạt động liên tục của Công ty được đảm bảo.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm chủ yếu là khoản phải thu các đội thi công liên quan các chi phí thực hiện công trình vượt quá mức khoán đã được thỏa thuận.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà Công ty xác định là không có khả năng thu hồi trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản tiền ứng cho các đội thi công để thực hiện các công trình xây lắp theo hợp đồng khoán giữa Công ty và các đội thi công.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được ghi nhận căn cứ vào số ngày cho thuê và biên bản xác nhận với khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 34.062.346.557 VND, khoản lỗ cho mục đích chuyển lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính của Công ty. Quyết định cuối cùng về việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty tùy thuộc vào Thông báo và Kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế. Công ty sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo các Thông báo và Kết quả thanh kiểm tra này.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	168.225.467	479.061.460
Tiền gửi ngân hàng	23.728.466	26.570.836
	<u>191.953.933</u>	<u>505.632.296</u>

Công ty đã thế chấp số dư tiền gửi phục vụ sản xuất, kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho khoản bảo lãnh ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 26.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Bên liên quan (xem Thuyết minh số 28)	12.246.161.939	34.932.619.198
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.345.975.596	30.707.247.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	687.309.944	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	175.382.401
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex Taisei	212.876.399	2.849.988.942
Đối tượng khác	104.201.653.690	115.053.182.551
Công ty Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị Hải Phòng	34.997.927.000	36.997.927.000
Trường Đại học Điện lực	8.755.272.028	5.035.281.920
Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại (BMC)	11.672.844.323	14.972.844.323
Nhà in báo nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	7.704.360.435	8.004.360.435
Công ty Cổ phần HAPACO	1.551.544.600	9.303.274.000
Khác	39.519.705.304	40.739.494.873
	<u>116.447.815.629</u>	<u>149.985.801.749</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán là khoảng 101 tỷ VND, trong đó số quá hạn trên 1 năm khoảng 86 tỷ VND. Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi nợ của từng khách hàng và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 1,5 tỷ VND.

Công ty đã thế chấp các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty và khách hàng mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo cho khoản bảo lãnh ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho phản ánh giá trị các hạng mục dở dang đang được thực hiện với giá trị tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 92.645.173.604 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 89.063.613.543 VND). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và khẳng định giá trị phần còn lại tương ứng của các hợp đồng lớn hơn giá trị hạng mục dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho các đội thi công	67.404.716.725	59.102.193.258
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	293.510.028	2.147.783.148
	67.698.226.753	61.249.976.406

Tạm ứng cho các đội thi công phản ánh số tiền Công ty đã ứng cho các đội, nhân viên của Công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	4.241.866.585	17.711.256.241	1.730.945.017	19.393.359.157	43.077.427.000
Giảm trong kỳ	-	1.913.773.384	-	447.137.454	2.360.910.838
Giảm khác	-	1.913.773.384	-	447.137.454	2.360.910.838
Tại ngày 30/6/2013	4.241.866.585	15.797.482.857	1.730.945.017	18.946.221.703	40.716.516.162
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	1.263.012.464	9.295.243.450	1.632.891.686	14.910.466.304	27.101.613.904
Tăng trong kỳ	108.441.466	664.620.597	29.415.714	532.348.523	1.334.826.300
Trích khấu hao	108.441.466	664.620.597	29.415.714	532.348.523	1.334.826.300
Giảm trong kỳ	-	1.903.206.363	-	338.256.808	2.241.463.171
Tại ngày 30/6/2013	1.371.453.930	8.056.657.684	1.662.307.400	15.104.558.019	26.194.977.033
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	2.870.412.655	7.740.825.173	68.637.617	3.841.663.684	14.521.539.129
Tại ngày 01/01/2013	2.978.854.121	8.416.012.791	98.053.331	4.482.892.853	15.975.813.096

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.391.112.841 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.430.729.112 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 14.371.790.725 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 15.584.491.094 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần VIPACO	510.000	4.250.000.000	510.000	4.250.000.000
	510.000	4.250.000.000	510.000	4.250.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần VIPACO	Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	17	17	Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì

Mặc dù, Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết nhưng Công ty có ảnh hưởng quan trọng trong việc bổ nhiệm các thành viên Ban Giám đốc của công ty này nên khoản đầu tư này vào Công ty Cổ phần VIPACO được ghi nhận là đầu tư vào công ty liên kết. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp 510.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VIPACO để đảm bảo cho khoản vay.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào công ty Cổ phần Ông Sợ Thủy tỉnh Vnaconex với giá trị 1.000.000.000 VND tương đương 100.000 cổ phiếu. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp 100.000 cổ phiếu này của Công ty Cổ phần Ông Sợ Thủy tỉnh Vnaconex để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	2012
	VND	VND
Số đầu kỳ/năm	138.338.475	704.925.952
Tăng trong kỳ/năm	128.411.301	109.449.546
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	113.294.307	676.037.023
Số cuối kỳ/năm	153.455.469	138.338.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (i)	40.265.366.703	42.059.750.716
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	2.199.647.817
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex Viettel (ii)	39.307.906.014	39.313.055.052
Công ty Cổ phần HAPACO	-	7.000.000.000
Vay cá nhân (iii)	18.904.550.000	19.548.610.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	2.553.999.958	4.066.999.958
	<u>101.031.822.675</u>	<u>114.188.063.543</u>

Chi tiết vay và nợ ngắn hạn như sau:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 203075.001/2012/HĐ ngày 15 tháng 6 năm 2012 với mức dư nợ tối đa là 50 tỷ VND với mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được quy định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Hạn mức tín dụng được cấp trong thời gian từ ngày 15 tháng 6 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn (xác định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể) được áp dụng đối với phần dư nợ gốc mà Bên vay không thanh toán đúng hạn và Bên vay sẽ chịu tiền phạt đối với lãi chậm trả khi đến hạn theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh chậm trả lãi. Lãi vay được trả hàng tháng trên cơ sở nguồn thu của Bên vay và số dư tiền gửi tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có). Hình thức bảo đảm của các khoản vay là các tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh số 9).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel bao gồm hai (2) hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 24011/TDHM-V15 ngày 24 tháng 10 năm 2011 với mức dư nợ tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 100.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tinh Vinaconex và 510.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần VIPACO (Thuyết minh số 10 và số 11). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư gốc vay phải trả là 35.319.335.373 VND.
 - Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 18/2010/TDHM-VC15 ngày 27 tháng 9 năm 2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư gốc vay phải trả là 3.988.570.641 VND.
- (iii) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 0% và 18%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn thanh toán 1 năm. Một số khoản vay với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 28. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	17.940.233.744	18.471.309.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.647.810.179	13.643.288.929
Thuế thu nhập cá nhân	147.120.154	141.286.404
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	365.551.000	231.335.000
Các loại thuế khác (i)	14.520.550.931	14.514.221.181
	<u>46.621.266.008</u>	<u>47.001.440.706</u>

(i) Gồm 14.468.596.000 VND là khoản phải trả cho Chi Cục thuế quận Đồ Sơn liên quan đến quyền sử dụng đất của dự án Vụng Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.683.760.589	7.434.680.941
Chi phí khác (i)	2.689.498.519	1.377.500.323
	<u>15.373.259.108</u>	<u>8.812.181.264</u>

(i) Chủ yếu bao gồm các chi phí xây lắp được trích trước tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả các đội xây dựng	6.457.691.878	6.680.881.393
Kinh phí công đoàn	233.418.121	221.904.661
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.116.778.541	2.987.557.256
Cổ tức	6.148.716.000	12.268.716.000
Khác	142.708.735	142.708.735
	<u>17.099.313.275</u>	<u>22.301.768.045</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (i)	4.836.999.958	6.913.999.958
	<u>4.836.999.958</u>	<u>6.913.999.958</u>

(i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng với mục đích mua sắm tài sản, theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng vay	Lãi suất vay (%)	Thời hạn vay (tháng)	Số dư nợ gốc (VND)		Nợ gốc phải trả trong vòng 1 năm (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
			31/12/2012	30/6/2013		
62/2008/HĐ	15,0%	60	-	643.000.000	-	Tài sản hình thành từ vốn vay
1308/2009/HĐ	15,0%	45	791.000.000	791.000.000	791.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
0289/2009/HĐ	15,0%	45	125.999.958	1.559.999.958	125.999.958	Tài sản hình thành từ vốn vay
203075.001/2012/HĐ	15,0%	42	3.920.000.000	3.920.000.000	1.637.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
			<u>4.836.999.958</u>	<u>6.913.999.958</u>	<u>2.553.999.958</u>	

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.553.999.958	4.066.999.958
Trong năm thứ hai	1.145.000.000	1.128.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.138.000.000	1.719.000.000
Sau năm năm	-	-
	<u>4.836.999.958</u>	<u>6.913.999.958</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	2.553.999.958	4.066.999.958
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.283.000.000</u>	<u>2.847.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	100.000.000.000	-	5.088.870.000	12.795.123.070	-	2.852.658.323	208.200.185	8.480.456.223	129.425.307.801	(11.235.182.358)	(11.235.182.358)	(11.235.182.358)	(11.235.182.358)	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 01/01/2013	100.000.000.000	-	5.088.870.000	12.795.123.070	-	2.852.658.323	208.200.185	(7.754.726.135)	113.190.125.443	(26.307.620.422)	(26.307.620.422)	(26.307.620.422)	(26.307.620.422)	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30/6/2013	100.000.000.000	-	5.088.870.000	12.795.123.070	-	2.852.658.323	208.200.185	(34.062.346.557)	86.882.505.021	(34.062.346.557)	(34.062.346.557)	(34.062.346.557)	(34.062.346.557)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy đăng ký		Vốn đã góp	
	kinh doanh		30/6/2013	31/12/2012
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	51.000.000.000	51	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49	49.000.000.000	49.000.000.000
Cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong kỳ, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21.

Các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản	1.247.278.124	38.530.957.512
- Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	653.480.562	3.648.293.262
	1.900.758.686	42.179.250.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản	7.730.278.582	35.284.266.658
Giá vốn hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị	1.112.603.550	2.134.910.361
	<u>8.842.882.132</u>	<u>37.419.177.019</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.666.678.958	36.933.130.323
Chi phí nhân công	3.747.149.742	8.836.439.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.334.826.300	1.694.314.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	336.456.562	8.668.584.016
	<u>10.085.111.562</u>	<u>56.132.468.423</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.675.745	37.662.078
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.000.000	83.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác (i)	6.872.564.822	8.694.677.392
	<u>6.995.240.567</u>	<u>8.815.339.470</u>

- (i) Doanh thu hoạt động tài chính khác phản ánh số tiền lãi vay tính cho các tổ, đội thi công trên cơ sở vốn Công ty ứng cho các đối tượng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(26.307.620.422)	610.680.670
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(120.000.000)	(83.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	237.037.019	-
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	(26.190.583.403)	527.680.670
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	-	131.920.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	131.920.168

25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(26.307.620.422)	478.760.502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(2.631)	48

26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản bảo lãnh từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng vẫn còn hiệu lực. Cụ thể, ngân hàng này đã cung cấp cho Công ty bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị bảo lãnh tương ứng là 9.783.667.000 VND và 4.891.833.800 VND. Công ty thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng kinh tế số 61/2011/HĐKT ngày 09 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường - Chi nhánh Hà Tây với giá trị là 88.053.008.400 VND để đảm bảo cho các bảo lãnh trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản bảo lãnh từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng vẫn còn hiệu lực. Cụ thể, ngân hàng này đã cung cấp cho Công ty bảo lãnh hạn mức với giá trị bảo lãnh là 10 tỷ VND. Công ty thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi phục vụ sản xuất, kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người hưởng thụ để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Các khoản vay	103.314.822.675	117.035.063.543
Trừ: Tiền	191.953.933	505.632.296
Nợ thuần	103.122.868.742	116.529.431.247
Vốn chủ sở hữu	86.882.505.021	113.190.125.443
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,19	1,03

Ban Giám đốc đánh giá rằng hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp xây dựng. Ban Giám đốc cam kết rằng hệ số đòn bẩy tài chính này sẽ không làm mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Các khoản vay bao gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn, xem chi tiết tại Thuyết minh số 13 và 17.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	191.953.933	505.632.296
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.292.219.479	167.142.933.763
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	293.510.028	2.147.783.148
Tổng cộng	<u>148.777.683.440</u>	<u>170.796.349.207</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	103.314.822.675	117.035.063.543
Phải trả người bán và phải trả khác	21.214.275.996	29.846.579.157
Chi phí phải trả	15.373.259.108	8.812.181.264
Tổng cộng	<u>139.902.357.779</u>	<u>155.693.823.964</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc đánh giá chi phí bỏ ra để thực hiện phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn các chi phí tiềm tàng có liên quan.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 795.732.727 VND (năm 2012: 1.627.456.115 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	+200	(795.732.727)
VND	-200	795.732.727
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(1.627.456.115)
VND	-200	1.627.456.115

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng do khách hàng, đối tác chưa thanh toán các khoản phải thu khi đến hạn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
30/6/2013			
Tiền	191.953.933	-	191.953.933
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.292.219.479	-	147.292.219.479
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	293.510.028	-	293.510.028
Tổng	147.777.683.440	1.000.000.000	148.777.683.440
30/6/2013			
Các khoản vay	101.031.822.675	2.283.000.000	103.314.822.675
Phải trả người bán và phải trả khác	21.214.275.996	-	21.214.275.996
Chi phí phải trả	15.373.259.108	-	15.373.259.108
Tổng	137.619.357.779	2.283.000.000	139.902.357.779
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.158.325.661	(1.283.000.000)	8.875.325.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2012			
Tiền	505.632.296	-	505.632.296
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.142.933.763	-	167.142.933.763
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	2.147.783.148	-	2.147.783.148
Tổng	169.796.349.207	1.000.000.000	170.796.349.207
31/12/2012			
Các khoản vay	114.188.063.543	2.847.000.000	117.035.063.543
Phải trả người bán và phải trả khác	29.846.579.157	-	29.846.579.157
Chi phí phải trả	8.812.181.264	-	8.812.181.264
Tổng	152.846.823.964	2.847.000.000	155.693.823.964
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.949.525.243	(1.847.000.000)	15.102.525.243

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản do Công ty trong tình trạng thiếu hụt vốn lưu động. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra hoặc huy động đủ nguồn vốn lưu động để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Xem thêm tại Thuyết minh số 2.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u> VND	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u> VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	252.474.066	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	-	14.090.992.837
Vay		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	-	6.271.628.393
Ông Trương Hải Triều	-	2.468.000.000
Công bố chia cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	2.550.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	220.175.800	290.801.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.345.975.596	30.707.247.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	687.309.944	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	175.382.401
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex Taisei	212.876.399	2.849.988.942
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý dự án Láng - Hòa Lạc	64.833.312	64.833.312
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	63.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	19.496.155	-
Phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	132.708.735	6.288.425.235
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1.768.078.942	1.782.418.994
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	59.312.000	59.312.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	93.157.828	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	354.200.000
Công ty Cổ phần VIMECO	7.707.699.632	7.707.699.632
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	185.030.396	197.030.396
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	22.648.742	111.000.120
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	7.200.782.628	3.231.688.685
Vay ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	39.307.906.014	39.313.055.052
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	2.199.647.817
Ông Trương Hải Triều	5.951.900.000	6.642.210.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	300.000.000	300.000.000

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động thị trường xây dựng và bất động sản. Những biến động này có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô là khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2012		
		Số đã báo cáo VND	Số sau trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải trả nội bộ	317	6.252.708.735	-	6.252.708.735
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16.049.059.310	22.301.768.045	(6.252.708.735)



Nguyễn Thị Hà
Người lập biểu



Phí Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường
Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013